

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TẢI HOÀNG THẠCH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Hải Dương, tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TẢI HOÀNG THẠCH**

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Hải Minh  
Ông Nguyễn Danh Huyền  
Ông Lê Xuân Thái  
Ông Lê Tuấn Điệp

Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 08/12/2023)  
Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 08/12/2023)  
Thành viên  
Thành viên

Giám đốc Công ty là Ông Lê Xuân Thái

**TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Số: 39 /2024/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ông Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/03/2024 và trình bày từ trang số 04 đến trang số 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

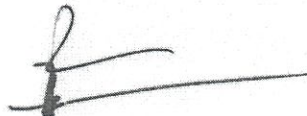
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Việt Thanh  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2024



Trần Thị Trang  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2020-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B01 - DN**  
*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.953.695.293</b>	<b>13.603.462.756</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.356.564.518	1.841.994.922
1. Tiền	111		856.564.518	841.994.922
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	6.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.157.542.372	7.211.794.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.303.496.071	8.385.807.912
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.758.885	21.604.917
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	196.282.180	165.376.769
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.360.994.764)	(1.360.994.764)
IV. Hàng tồn kho	140	10	429.791.578	547.213.000
1. Hàng tồn kho	141		429.791.578	547.213.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.796.825	2.460.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.796.825	2.460.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.954.315</b>	<b>253.666.004</b>
I. Tài sản cố định	220		90.144.315	251.616.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	90.144.315	251.616.004
- Nguyên giá	222		13.894.633.388	13.894.633.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.804.489.073)	(13.643.017.384)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		515.000.000	515.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(515.000.000)	(515.000.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		4.810.000	2.050.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.810.000	2.050.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>12.048.649.608</b>	<b>13.857.128.760</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.332.447.914</b>	<b>4.088.419.854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.332.447.914</b>	<b>4.088.419.854</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	244.198.086	732.681.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.387.091	7.387.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	448.038.812	886.721.826
4. Phải trả người lao động	314		1.956.221.812	1.891.736.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	190.696.592	165.119.539
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		50.509.942	51.014.191
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		435.395.579	353.758.712
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.716.201.694</b>	<b>9.768.708.906</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>8.716.201.694</b>	<b>9.768.708.906</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.500.000.000	6.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.500.000.000	6.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.614.772.039	2.614.772.039
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(398.570.345)	653.936.867
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(398.570.345)	653.936.867
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>12.048.649.608</b>	<b>13.857.128.760</b>

Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Phương Mai

Kế toán trưởng

Đặng Thị Ngọc Bích

Giám đốc



Lê Xuân Thái

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	16	9.529.371.276	12.424.679.474
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		9.529.371.276	12.424.679.474
4. Giá vốn hàng bán	11	17	6.667.507.717	7.898.335.196
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		2.861.863.559	4.526.344.278
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	356.158.388	272.143.162
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	3.350.171.553	3.693.152.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(132.149.606)	1.105.334.938
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	20	266.420.739	193.331.083
13. Lợi nhuận khác	40		(266.420.739)	(193.331.083)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(398.570.345)	912.003.855
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	258.066.988
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(398.570.345)	653.936.867
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(6.132)	6.000

Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Phương Mai

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Bích

Giám đốc



Lê Xuân Thái

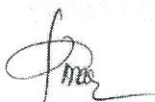
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

MÃ SỐ B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(398.570.345)	912.003.855
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	161.471.689	446.314.225
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(356.158.388)	(272.143.162)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(593.257.044)	1.086.174.918
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.085.157.873	(1.524.216.012)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	117.421.422	467.939.656
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(579.541.819)	26.164.587
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.096.825)	2.730.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(258.066.988)	(135.867.915)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(182.300.000)	(189.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.579.316.619	(266.574.766)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	(6.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	8.525.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	325.252.977	345.830.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.674.747.023)	2.870.830.838
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(390.000.000)	(790.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(390.000.000)	(790.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(485.430.404)	1.813.806.072
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.841.994.922	28.188.850
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.356.564.518	1.841.994.922

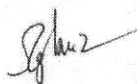
Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Người lập



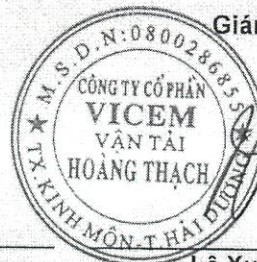
Nguyễn Thị Phương Mai

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Bích

Giám đốc



Lê Xuân Thái



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 số 0800286855 ngày 15/11/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Vốn điều lệ là 6.500.000.000 đồng tương đương với 65.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại khu Bích Nhôi 2, Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 43 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 48 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Tổ chức bốc xếp và dịch vụ bốc xếp hàng hóa;
- Sửa chữa, đóng mới, cho thuê, cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Sửa chữa và gia công cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, nguyên nhiên liệu, phụ liệu cho sản xuất xi măng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Nạo vét cảng và các công trình thủy;
- Mua bán xăng, dầu;
- Khai thác, chế biến nguyên liệu cho sản xuất xi măng và xây dựng;
- Xây dựng các công trình: dân dụng, giao thông, công nghiệp vừa và nhỏ;
- Vệ sinh công nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

**4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.4. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05

**4.7. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### 4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

#### 4.9. Doanh thu

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: lãi tiền gửi. Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

#### 4.10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.11. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	238.218.526	580.667.291
Tiền gửi ngân hàng	618.345.992	261.327.631
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.356.564.518</b>	<b>1.841.994.922</b>

(\*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương với lãi suất 2,7%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2023 của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương với lãi suất từ 4,7%/năm đến 7,0%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>3.942.501.307</b>	<b>7.024.813.148</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	3.942.501.307	7.024.813.148
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>1.360.994.764</b>	<b>1.360.994.764</b>
Công ty TNHH Vận tải thủy An Tiến Thành	871.569.683	871.569.683
Công ty TNHH Đức Sơn	165.160.620	165.160.620
Các khách hàng khác	324.264.461	324.264.461
<b>Cộng</b>	<b>5.303.496.071</b>	<b>8.385.807.912</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	196.282.180	-	165.376.769	-
<b>Cộng</b>	<b>196.282.180</b>	<b>-</b>	<b>165.376.769</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẠN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**9. NỢ XẤU**

Thời gian quá hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng quá hạn VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV Phát triển Ngọc Khánh	40.635.000	-	40.635.000	40.635.000
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật điện Tài Phát	152.861.400	-	152.861.400	152.861.400
Công ty TNHH Đức Sơn	165.160.620	-	165.160.620	165.160.620
Công ty TNHH Vạn tài thủy An Tiến Thành	871.569.683	-	871.569.683	871.569.683
Công ty TNHH MTV than Tân Dân	130.768.061	-	130.768.061	130.768.061
<b>Cộng</b>	<b>1.360.994.764</b>	<b>-</b>	<b>1.360.994.764</b>	<b>1.360.994.764</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	235.060.695	-	345.907.565	-
Công cụ, dụng cụ	115.259.100	-	156.829.751	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.471.783	-	44.475.684	-
<b>Cộng</b>	<b>429.791.578</b>	<b>-</b>	<b>547.213.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẠN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2023

Tại ngày 31/12/2023

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2023

Khấu hao trong năm

Tại ngày 31/12/2023

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2023

Tại ngày 31/12/2023

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	2.047.725.950	1.012.816.673	10.794.090.765	40.000.000	13.894.633.388					
	2.047.725.950	1.012.816.673	10.794.090.765	40.000.000	13.894.633.388					
	2.019.686.663	1.012.816.673	10.570.514.048	40.000.000	13.643.017.384					
	21.029.448	-	140.442.241	-	161.471.689					
	2.040.716.111	1.012.816.673	10.710.956.289	40.000.000	13.804.489.073					
	28.039.287	-	223.576.717	-	251.616.004					
	7.009.839	-	83.134.476	-	90.144.315					
	1.539.768.233	1.012.816.673	10.794.090.765	40.000.000	13.386.675.671					

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan	2.341.836	2.341.836	-	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	2.341.836	2.341.836	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	241.856.250	241.856.250	732.681.650	732.681.650
Công ty TNHH cơ khí Đức Giang	210.014.750	210.014.750	210.014.750	210.014.750
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Bắc Hà	31.841.500	31.841.500	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Minh Hưng				
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Trường Thành	-	-	230.040.000	230.040.000
Công ty Cổ phần Thương mại Triệu Khang	-	-	165.500.000	165.500.000
Các nhà cung cấp khác	-	-	127.126.900	127.126.900
<b>Cộng</b>	<b>244.198.086</b>	<b>244.198.086</b>	<b>732.681.650</b>	<b>732.681.650</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	531.016.311	745.670.270	910.464.245	366.222.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp	258.066.988	-	258.066.988	-
Thuế thu nhập cá nhân	97.638.527	62.566.959	92.389.010	67.816.476
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	115.452.926	115.452.926	-
Thuế, phí và lệ phí khác	-	16.000.000	2.000.000	14.000.000
<b>Cộng</b>	<b>886.721.826</b>	<b>939.690.155</b>	<b>1.378.373.169</b>	<b>448.038.812</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí nhân công gom vét, xếp bao	156.066.882	132.032.057
Các khoản chi phí khác	34.629.710	33.087.482
<b>Cộng</b>	<b>190.696.592</b>	<b>165.119.539</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	6.500.000.000	2.614.772.039	603.323.829	9.718.095.868
Lãi trong năm	-	-	653.936.867	653.936.867
Trích lập các quỹ	-	-	(148.323.829)	(148.323.829)
Chia cổ tức	-	-	(455.000.000)	(455.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>2.614.772.039</b>	<b>653.936.867</b>	<b>9.768.708.906</b>
Lỗ trong năm	-	-	(398.570.345)	(398.570.345)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	(263.936.867)	(263.936.867)
Chia cổ tức (*)	-	-	(390.000.000)	(390.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>2.614.772.039</b>	<b>(398.570.345)</b>	<b>8.716.201.694</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 78/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/05/2023, chi tiết như sau:

- Trả cổ tức (tỷ lệ 6%): 390.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 263.936.867 đồng

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	51,61%	3.354.500.000	3.354.500.000
Các cổ đông khác	48,39%	3.145.500.000	3.145.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.000	65.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.000	65.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.000	65.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.000	65.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.000	65.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	100.000	100.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ sửa chữa cơ khí	6.482.782.218	9.572.393.873
Doanh thu nạo vét cảng	102.324.760	1.034.919.022
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.944.264.298	1.817.366.579
<b>Cộng</b>	<b>9.529.371.276</b>	<b>12.424.679.474</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	9.529.371.276	12.424.679.474

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa cơ khí	4.128.026.319	5.382.845.351
Giá vốn hoạt động nạo vét cảng	254.181.507	1.299.006.893
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	2.285.299.891	1.216.482.952
<b>Cộng</b>	<b>6.667.507.717</b>	<b>7.898.335.196</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	356.158.388	272.143.162
<b>Cộng</b>	<b>356.158.388</b>	<b>272.143.162</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.484.964.814	2.444.245.325
Chi phí vật liệu quản lý	68.072.853	123.959.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.029.448	21.029.448
Thuế, phí lệ phí	109.756.101	111.172.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.159.114	270.987.922
Chi phí bằng tiền khác	403.189.223	721.757.780
<b>Cộng</b>	<b>3.350.171.553</b>	<b>3.693.152.502</b>
Trong đó: Thù lao của Ban kiểm soát	120.000.000	100.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Truy thu, phạt chậm nộp thuế	16.025.807	8.804.501
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	120.379.098	184.526.582
Bồi thường tai nạn lao động	130.000.000	-
Chi phí khác	15.834	-
<b>Cộng</b>	<b>266.420.739</b>	<b>193.331.083</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.810.506.844	6.388.358.577
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.617.437	1.157.349.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.471.689	446.314.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	3.426.530.861	3.303.466.643
<b>Cộng</b>	<b>10.157.126.831</b>	<b>11.295.488.783</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(398.570.345)	912.003.855
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	340.404.905	378.331.083
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	340.404.905	378.331.083
Thu nhập tính thuế	(58.165.440)	1.290.334.938
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	258.066.988

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(398.570.345)	653.936.867
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(263.936.867)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(398.570.345)	390.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	65.000	65.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.132)	6.000

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 78/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/05/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TẢI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ (gọi tắt là VICEM)
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Vicem Năng lượng và Môi trường Vicem	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị trong cùng VICEM
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Đơn vị trong cùng VICEM

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

**Số dư bên liên quan**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	-	2.846.032
<b>Chi phí phải trả</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Hoàng Thạch	5.813.211	5.402.194

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	66.978.846	105.855.663
Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xi măng	66.978.846	89.355.663
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	-	16.500.000
<b>Chia cổ tức trong năm</b>	206.034.686	570.265.000
<b>Phí tư vấn</b>	201.270.000	570.265.000
	4.764.686	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬN TÀI HOÀNG THẠCH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty**

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Hải Minh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 08/12/2023)	6.000.000	-
Ông Nguyễn Danh Huyền	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 08/12/2023)	66.000.000	55.000.000
Ông Lê Thành Long	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 05/05/2022)	-	12.000.000
Ông Lê Xuân Thái	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	425.979.078	442.486.508
Ông Lê Tuấn Điệp	Thành viên HĐQT	48.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>		<b>545.979.078</b>	<b>549.486.508</b>

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Mai

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Xuân Thái



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 22690. Quyền số 08...SCT/BS  
 Ngày 19 tháng 5 năm 2025

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Nguyễn Nhân Bình*